TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2023/HSST
Ngày: 30/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lương Quân;

2. Ông Bùi Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Đoàn Mạnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Lê Phan Duy Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa*:**

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Phạm Minh Hiệu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 187/2023/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo hình thức trực tuyến, gồm 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, điểm cầu thành phần đặt tại Nhà tạm giữ Công an Quận 1 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1310/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Thái Thiên P, sinh ngày XX tháng YY năm 1990, tại Phú Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TT, xã SB, huyện SH, tỉnh Phú Yên; chỗ ở hiện nay: Số T đường số MB, phường TTT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thái M và bà Nguyễn Thị Tường V; chưa có chồng con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

- *Người bị hại:* Ông Đỗ Anh H, sinh năm: 1978 (chủ cửa hàng A);

Địa chỉ: Số M đường NCT, phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Số M đường NCT, phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+ Công ty Cổ phần N;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng S, Tòa nhà P, số H đường NĐC, Phường MM, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần N: Ông Nguyễn Lê Hoàn G, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Số M đường T, phường TTN, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh – Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 01 năm 2023. (có mặt)

+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh I; (chi nhánh cầm đồ KH);

Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường C, Phường MM, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh I: Ông Trần Hoàng P, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Số B đường L, Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh – Giấy ủy quyền số: XXX/2022/I/UQ ngày 31 tháng 10 năm 2022. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

- Bà Trần Thị P, sinh năm: 1998;

Địa chỉ: Số M đường T, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Trần Hoàng P, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Số B đường L, Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bà Dương Ngọc T, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Số H đường NTT, phường TTĐ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, ông Đỗ Anh H là chủ cửa hàng A, Số M đường NCT, phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có thuê Phạm Thái Thiên P làm quản lý tại cửa hàng A. bị cáo P có thẩm quyền được phân công công việc cho

các nhân viên tại cửa hàng và các nhân viên khác làm việc theo sự phân công của bị cáo P kể cả khi bị cáo P không có mặt tại cửa hàng. Trách nhiệm của bị cáo P tại cửa hàng là quản lý nhân viên, quản lý hàng hóa, kiểm đếm đồ vật hàng hóa và quản lý thu chi hàng ngày tại cửa hàng. Do cần tiền tiêu xài, lợi dụng nhiệm vụ và thẩm quyền được ông H giao nên từ ngày 19 đến ngày 23 tháng 10 năm 2022, bị cáo P đã chiếm đoạt 05 túi xách hàng hiệu tại cửa hàng A đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 09 giờ ngày 19 tháng 10 năm 2022, bị cáo P đến cửa hàng A lấy 01 túi xách hiệu DLM, màu xanh lá, đựng trong túi vải màu trắng (có hóa đơn kèm theo) đem đến Công ty Cổ phần N, tại số B đường LTT, phường BT, Quận M gặp bà Trần Thị P (là giao dịch viên) để lập hợp đồng cầm cố túi xách trên và được Công ty Cổ phần N giải ngân, chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của bị cáo P số 19XXX128344016, mở tại Ngân hàng T và bị cáo P đã tiêu xài hết.

Lần thứ 2: Khoảng 10 giờ ngày 20 tháng 10 năm 2022, bị cáo P nhắn tin cho bà Trần Thị Thanh T (là nhân viên cửa hàng A) yêu cầu đóng 01 thùng hàng bao gồm: 01 túi xách hiệu LV, mã M56XXX, màu đỏ và 01 túi xách hiệu CN X485NXXX, màu hồng để giao đến nhà của bị cáo P cho bạn xem và mua, bị cáo P tự đặt xe ôm công nghệ hãng G đến gặp bà T lấy thùng hàng và giao đến nhà của bị cáo P. Sau đó, bị cáo P đem 02 túi xách trên đến cửa hàng cầm đồ, tại số KH, Phường S, Quận T gặp ông Trần Hoàng P (là nhân viên thẩm định của cửa hàng) và bà Dương Ngọc T (là nhân viên cửa hàng) để lập hợp đồng cầm cố và được cửa hàng cầm đồ giải ngân, chuyển khoản số tiền 85.477.000 đồng (đã bao gồm tiền lãi và phí dịch vụ) vào tài khoản cá nhân của bị cáo P số 19XXX128344016, mở tại Ngân hàng T và bị cáo P đã tiêu xài hết.

Lần thứ 3: Khoảng 18 giờ ngày 23 tháng 10 năm 2022, bị cáo P đang làm việc tại cửa hàng A thì tiếp tục lấy 01 túi xách CN, màu đen (cùng với túi đựng, thẻ chứng minh nguồn gốc túi) và 01 túi xách hiệu LV, màu nâu (kèm túi đựng). Sau khi lấy bị cáo P mang đến Công ty Cổ phần N, tại số 1tại số B đường LTT, phường BT, Quận M để cầm cố và được giải ngân, chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của bị cáo P số 19XXX128344016, mở tại Ngân hàng T và bị cáo P đã tiêu xài cá nhân hết.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 xác định bị cáo P là người thực hiện hành vi phạm tội nên đưa bị cáo P về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 lập hồ sơ xử lý.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận M, kết luận: 01 túi xách hiệu DLM màu xanh Ombre, khóa vàng Code 02-MA-XXXX

(kèm theo 01 túi vải, 01 hợp đồng, 01 thẻ); 01 túi xách hiệu LVC, màu đỏ, Code chip (kèm theo 01 túi vải); 01 túi xách hiệu LVNM, màu nâu, khóa vàng, size L, code PL01XX (kèm theo 01 túi vải); 01 túi xách hiệu CN BSM, màu đen; 01 túi xách hiệu CN CH, Code X485NXXX (kèm theo 01 quai xách kim loại) có tổng trị giá là 446.500.000 đồng. (bút lục: 57 - 61)

Quá trình điều tra, Phạm Thái Thiên P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo P phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thu thập được. Riêng bà Trần Thị P (là nhân viên Công ty Cổ phần N) và ông Trần Hoàng P và bà Dương Ngọc T (là nhân viên của cửa hàng cầm đồ) không biết tài sản là các túi xách mà bị cáo P đem đi cầm cố cho cửa hàng là tài sản do phạm tội mà có. Lời khai của bà Trần Thị P, ông Trần Hoàng P và bà Dương Ngọc T phù hợp với lời khai của bị cáo P nên Cơ quan quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở. (bút lục: 72 - 119).

Bản cáo trạng số: 193/CT-VKS-Q1 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Phạm Thái Thiên P về tội "Tham ô tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội "Tham ô tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp định khung hình phạt là phạm tội 02 lần trở lên; tài sản chiếm đoạt có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự; có cha ruột là quân tình nguyện làm nhiệm vụ quốc tế tại chiến trường Campuchia được tặng thưởng kỷ niệm chương của Hội cựu Chiến binh Việt Nam nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) năm đến 13 (mười ba) năm tù, miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- 05 chiếc túi xách bị cáo chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi trả lại cho bị hại ông Đỗ Anh H chủ cửa hàng A và ông H không

yêu cầu bị cáo bồi thường nào khác về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. (bút lục 182)

- Đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần N có ông Nguyễn Lê Hoàng G yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 70.000.000 đồng, đây là số tiền Công ty đã nhận cầm cố và bị cáo đồng ý bồi thường cho Công ty nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

- Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh I, có ông Trần Hoàng P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 87.000.000 đồng là số tiền Công ty đã nhận cầm cố (chưa trừ tiền lãi, phí dịch vụ) và bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 02 USB ghi nhận vụ việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 10, màu bạc số kiểu máy SM-N97XXX, số sêri R58MAOK7XXX, số Imei: 358819102033XXX bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận do cần tiền tiêu xài cá nhân nên lợi dụng quyền hạn được giao đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bị hại mà bị cáo có trách nhiệm quản lý. Bị cáo khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố bị cáo phạm tội tham ô tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là không oan sai. Phần tranh luận bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại kết quả định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận M, vì giá trị định giá cao hơn giá trị thực của 05 chiếc túi xách bị cáo chiếm đoạt. Đại diện Công ty Cổ phần N và Công ty Cổ phần N thống nhất trình bày luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến nào khác. Bị cáo nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tranh luận lại quan điểm của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Bản kết quả định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận M kết luận giá trị của 05 chiếc túi xách bị cáo chiếm đoạt trên cơ sở tham khảo, so sánh đối chiếu các chứng từ liên trên cơ sở khoa học và tiến hành hợp pháp. Quá trình điều tra bị cáo cũng không có ý kiến thắc mắc về kết luận định giá, đồng thời tại phiên tòa bị cáo thừa nhận không có bất kỳ đơn từ nào khiếu nại về quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Viện kiểm sát vẫn bảo lưu quan điểm như đã trình bày về kết luận định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là thông báo về việc tiếp nhận tin về tội phạm, biên bản bắt bị can để tạm giam, biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản làm việc, bản tường trình, bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng, kết luận định giá tài sản,… nên có căn cứ để kết luận: Ngày 06 tháng 10 năm 2022, ông H là chủ cửa hàng A đã thuê bị cáo làm quản lý tại cửa hàng. Bị cáo có quyền hạn và trách nhiệm được phân công công việc, quản lý nhân viên, quản lý hàng hóa, kiểm đếm đồ vật, hàng hóa, quản lý thu chi hàng ngày tại cửa hàng, nhưng do cần tiền tiêu xài bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong thời gian từ ngày 19 đến ngày 23 tháng 10 năm 2022 đã 03 lần chiếm đoạt tài sản của ông H bằng việc lấy 05 chiếc túi xách hàng hiệu tại cửa hàng (bao gồm: 01 túi xách hiệu DLM màu xanh Ombre, khóa vàng Code 02-MA-XXXX; 01 túi xách hiệu LVC, màu đỏ, Code chip; 01 túi xách hiệu LVNM, màu nâu, khóa vàng, size L, code PL0179; 01 túi xách hiệu CN BSM, màu đen và 01 túi xách hiệu CN CH, Code X485NXXX) đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 446.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm vào tội "Tham ô tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn ngoan cố thực hiện, thể hiện ý thức liều lĩnh, xem thường pháp luật. Bị cáo được ông H tin tưởng giao nhiệm quản lý hàng hóa, thu chi hàng ngày tại cửa hàng, lẽ ra bị cáo phải biết trân trọng và thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, nhưng lại lợi dụng trách nhiệm, quyền hạn được giao đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 446.500.000 đồng, đây là tình tiết định định khung hình phạt được

quy định các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự nên cần có mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội khi chưa có tiền án; bị cáo có cha là ông Phạm Thái M là quân tình nguyện làm nhiệm vụ quốc tế tại chiến trường Campuchia được tặng thưởng kỷ niệm chương của Hội cựu Chiến binh Việt Nam. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định *"Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với bà Trần Thị P (nhân viên Công ty Cổ phần N), ông Trần Hoàng P và bà Dương Ngọc T (nhân viên của Chi nhánh cầm đồ KH) không biết tài sản là các chiếc túi xách đem đến cầm cố là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan quan điều tra Công an Quận 1 không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Trần Thị P, ông Trần Hoàng P và bà Dương Ngọc T là có cơ sở.

[8] Xét, từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của bị cáo xem xét lại giá trị thực của 05 chiếc túi xách bị cáo chiếm đoạt tại phiên tòa là không có căn cứ nên không xem xét chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với 05 chiếc túi xách bị cáo chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi trả lại cho bị hại ông Đỗ Anh H là chủ cửa hàng A và ông H không yêu cầu bị cáo bồi thường nào khác về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 túi xách hiệu DLM, màu xanh lá; 01 túi xách CN, màu đen; 01 túi xách hiệu LV, màu nâu bị cáo mang đến Công ty Cổ phần N cầm cố được 70.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi được 03 chiếc túi xách trả lại cho bị hại ông Đỗ Anh H chủ cửa hàng A. Đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 70.000.000 đồng là số tiền đã nhận cầm cố mà bị cáo đã tiêu xài hết. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho Công ty Cổ phần N số tiền 70.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự

nguyện của bị cáo và các hợp đồng cầm cố giữa bị cáo và Công ty Cổ phần N cũng chấm dứt.

- Đối với 01 túi xách hiệu LV, mã M56XXX, màu đỏ và 01 túi xách hiệu CN X485NXXX, màu hồng bị cáo mang đến Chi nhánh cầm đồ KH thuộc Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh I cầm cố được số tiền 85.477.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi được 03 chiếc túi xách trả lại cho bị hại ông Đỗ Anh H chủ cửa hàng A. Đại diện Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh I yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 87.000.000 đồng (chưa trừ tiền lãi, phí dịch vụ) là số tiền đã nhận cầm cố mà bị cáo đã tiêu xài hết và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh I số tiền 87.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và các hợp đồng cầm cố giữa các bên cũng chấm dứt.

[10] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 02 USB ghi nhận vụ việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 10, màu bạc, kiểu máy: SM-N97XXX, số sêri R58MAOK7XXX, số Imei: 358819102033728. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thu giữ của bị cáo. Bị cáo khai nhận diện thoại sử dụng trong việc cầm cố tài sản chiếm đoạt là sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thái Thiên P phạm tội "Tham ô tài sản".

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Phạm Thái Thiên P 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 3 năm 2023.

- Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015,

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Thái Thiên P bồi thường cho Công ty Cổ phần N số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Thái Thiên P bồi thường cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh I số tiền 87.000.000đ (tám mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

+ Lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) USB ghi nhận vụ việc bị cáo Phạm Thái Thiên P thực hiện hành vi phạm tội.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Note 10, màu bạc, kiểu máy: SM-N97XXX, số sêri: R58MAOK7XXX, số Imei: 358819102033728.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 96/2023/PNK-THAHS ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Phạm Thái Thiên P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm là 7.850.000đ (bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bị cáo Phạm Thái Thiên P, Công ty Cổ phần N, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh I có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận M, Tp. HCM;
- Công an Quận M, Tp. HCM;
- Phòng PC 53 (CA Tp. HCM);
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người làm chứng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuân